

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng, nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.  
Tránh xa tầm tay trẻ em.

### DUCAS Tab.

#### ■ Thành phần:

Mỗi viên bao phim chứa:

Tripotassium dicitrato bismuthate .....300mg

Tá dược: Lactose, Hydroxypropylcellulose, Carboxymethylcellulose Calcium, Sodium Starch Glycolate, Magnesium Stearate, Silicon Dioxide Colloidal, Hydroxypropylmethylcellulose 2910, Talc, Titanium Oxide, Propylene Glycol.

#### ■ Mô tả:

Viên bao phim tròn, màu trắng, có khắc chữ “KD” và “232” trên một mặt viên.

#### ■ Dược lực học:

Ducas chứa Tripotassium dicitrato bismuthate là phức hợp muối bismuth ổn định ở dạng keo hỗ trợ cho việc điều trị loét dạ dày tá tràng. Tripotassium dicitrato bismuthate tạo phức ở pH acid với amino acid tạo ra do các mô loét hoại tử để hình thành màng bảo vệ ở vị trí ổ loét, và vì vậy bảo vệ vết loét khỏi acid dịch vị. Nó làm mạnh thêm sự bảo vệ màng nhầy bằng cách kích thích sự tạo chất nội sinh prostaglandins. Tripotassium dicitrato bismuthate đẩy H.pylori ra khỏi màng nhầy dạ dày, vì thế sau khi điều trị sự tái phát thấp hơn so với điều trị kháng H<sub>2</sub>.

#### ■ Dược động học:

Hấp thu: Tripotassium dicitrato bismuthate tác động tại chỗ là chủ yếu. Tuy nhiên có một lượng bismuth rất nhỏ được hấp thu qua đường tiêu hoá. Lượng hấp thu này tùy thuộc vào liều ban đầu và đạt đỉnh cao sau 4 tuần sử dụng. Với liều điều trị 480 mg/ ngày, nồng độ bismuth trong máu trung bình khoảng 7ng/ml (nồng độ bão hòa là 50-100ng/ml).

Phân phối: Trên súc vật thử nghiệm, hầu hết bismuth hấp thu đều đến thận, ở các cơ quan khác chỉ là vết. Trên người chưa rõ.

Bài tiết: Hầu hết bismuth trong Tripotassium dicitrato bismuthate được bài tiết qua phân dưới dạng bismuth sulfite. Lượng nhỏ bismuth hấp thu được thải trừ qua thận với tốc độ khoảng 2.6%/ ngày và cần khoảng 2 tháng để thải hoàn toàn.

#### ■ Chỉ định:

- Kiểm soát các bệnh loét dạ dày và tá tràng.
- Viêm dạ dày mãn tính tiến triển.
- Rối loạn tiêu hoá không có loét.

#### ■ Liều dùng và cách dùng:

- Uống 2 viên 1 lần, ngày 2 lần, 1 giờ trước bữa ăn, dùng 4-8 tuần. Nên ngưng dùng ít nhất 8 tuần trước khi bắt đầu đợt trị liệu khác.
- Không nên nhai thuốc khi uống.

#### ■ Chống chỉ định:

Quá mẫn với Tripotassium dicitrato bismuthate hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân suy giảm chức năng thận.

#### ■ Thận trọng:

Không nên dùng đồng thời với các thuốc có chứa Bismuth.

Không nên dùng trong suốt thời kỳ mang thai và cho con bú trừ khi có sự chỉ định của thầy thuốc.

Sử dụng quá liều và kéo dài nên tránh.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Không nên dùng trong suốt thời kỳ mang thai và cho con bú trừ khi có sự chỉ định của thầy thuốc.

Sử dụng quá liều:

Cho đến nay chưa có bằng chứng về trường hợp quá liều.

Trong trường hợp quá liều, ngưng dùng thuốc, điều trị triệu chứng và dùng các biện pháp hỗ trợ.

#### ■ Phản ứng phụ:

- Phân có màu đen do tạo thành bismuth sulfide nhưng có thể phân biệt dễ dàng với phân đen do xuất huyết đường tiêu hoá.
- Các tác dụng phụ khác chủ yếu là ở đường tiêu hoá gồm buồn nôn, nôn, táo bón và tiêu chảy.
- Cũng có báo cáo về vài trường hợp dị ứng nhẹ.

*Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

#### ■ Tương tác thuốc:

Ducas làm giảm sự hấp thu của sắt, calcium và tetracycline khi dùng đồng thời.

Dùng chung với các chất kháng acid, thức uống chứa carbonate như bia, sữa hoặc thực phẩm chứa protein, có thể làm giảm hiệu quả của Ducas.

Trong trường hợp này, nên uống cách nhau 30 phút.

Điều trị trước với omeprazol làm tăng hấp thu muối bismuth lên 3 lần, gợi ý có sự tăng nguy cơ độc tính nếu dùng liều pháp 2 thuốc này.

Dùng đồng thời với các chất đối kháng H<sub>2</sub> hoặc kháng acid làm giảm hiệu lực của các muối bismuth so với khi dùng đơn độc trong bệnh loét.

Bismuth hấp thu tia X, có thể gây cản trở các thủ thuật chẩn đoán đường tiêu hóa bằng tia X.

■ **Trình bày:** Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim (Hộp 60 viên nén bao phim).

■ **Bảo quản:** Bảo quản trong hộp kín, ở nhiệt độ phòng. Để xa tầm tay trẻ em.

■ **Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

■ **Tiêu chuẩn chất lượng:** Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

■ **SDK:** VN-5710-10

Sản xuất bởi:

**KYUNG DONG Pharm. Co., Ltd.**

535-3 Daeyang-Li, Yanggam-Myun, Hwasung-City, Kyungki-Do, Korea.

Tel : 82-31-352-0990 Fax : 82-31-352-0991

Rev. No. : 1310S